

Bản án số: 34/2025/DS-ST

Ngày: 29-4-2025.

“V/v: Tranh chấp thừa kế theo pháp luật và tranh chấp thừa kế theo di chúc”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nam Trung;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lý Tài Thế;

2. Ông Trần Văn Quốc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Trương Minh Diên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24, 25 và 29 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLST-DS, ngày 18 tháng 7 năm 2022 về: *“Tranh chấp thừa kế theo pháp luật và tranh chấp thừa kế theo di chúc”.*

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2025/QĐXXST-DS, ngày 12 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 72/2025/QĐST-DS, ngày 02 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

1- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị S, sinh năm 1925 (chết ngày 19/7/2023).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn S:

1-1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947. Địa chỉ: G LA. CIVITA, APT2 MA 02072 USA. (Số điện thoại 8572370968). Địa chỉ tạm trú: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954. Địa chỉ: Sô B, ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

1-3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: Sô C, ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

1-4. Ông Nguyễn Văn Í, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

1-5. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-6. Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1964. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

1-7. Bà Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh năm 1966. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

1-8. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1968. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

1-9. Ông Nguyễn Hoàn C2, sinh năm 1970. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

1-10. Ông Nguyễn Trung C3, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

1-11. Ông Nguyễn Thành C4, sinh năm 1980. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

1-12. Ông Nguyễn Trung C5, sinh năm 1982. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

2- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn Í, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3-1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1947. Địa chỉ: G LA. CIVITA, APT2 MA 02072 USA (vắng mặt).

3-2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1954. Địa chỉ: Số B, ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà C: Ông Phạm Văn H1, sinh năm 1953. Địa chỉ: Số B, ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3-3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: Số C, ấp T, thị trấn C, huyện V, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

3-4. Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 1962. Địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3-5. Bà Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm 1964. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

3-6. Bà Nguyễn Thị Ngọc C1, sinh năm 1966. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

3-7. Bà Nguyễn Thị Cẩm H, sinh năm 1968. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

3-8. Ông Nguyễn Hoàn C2, sinh năm 1970. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

3-9. Ông Nguyễn Trung C3, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3-10. Ông Nguyễn Thành C4, sinh năm 1980. Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

3-11. Ông Nguyễn Trung C5, sinh năm 1982 Địa chỉ cuối cùng ở Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Hiện nay không rõ địa chỉ (vắng mặt).

3-12. Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1958. Địa chỉ: C Timbercove RD B, O, L6Y 0W9, CANADA. Địa chỉ tại Việt Nam: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (tạm trú nhà bị đơn Nguyễn Văn Í) (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của của ông Nguyễn Thanh T2: Võ Thị M, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

3-13. Võ Thị M, sinh năm 1968 (có mặt) và các con tên: Nguyễn Võ Quỳnh G, sinh năm 2004 (vắng mặt) và Nguyễn Võ Đình Q, sinh năm 2008 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Võ Đình Q: Ông Nguyễn Văn Í (có mặt) và bà Võ Thị M (có mặt) là cha, mẹ ruột. Cùng địa chỉ: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị S thì vụ án có nội dung như sau:*

Bà Lê Thị S và ông Nguyễn Văn T3 (chết năm 2016) kết hôn vào khoảng năm 1946. Trong thời gian chung sống bà S và ông T3 có với nhau 04 người con chung gồm: 1- Nguyễn Thị T; 2- Nguyễn Thị C; 3- Nguyễn Thị Đ; 4- Nguyễn Văn Í.

Ngoài ra, ông T3 có 01 người con riêng là bà Nguyễn Thị V (đã chết không biết ngày tháng năm). Chồng của bà V là ông Nguyễn Văn C6 (ông C6 chết năm 2007); bà V và ông C6 có 08 người con chung gồm: 1- Nguyễn Thị Tuyết N; 2- Nguyễn Thị Ánh T1; 3- Nguyễn Thị Ngọc C1; 4- Nguyễn Thị Cẩm H; 5- Nguyễn Hoàn C2; 6- Nguyễn Trung C3; 7- Nguyễn Thành C4; 8- Nguyễn Trung C5.

Lúc sinh thời, bà S và ông T3 có tạo lập được một số tài sản, sau này có chia cho con một phần. Hiện chỉ còn lại căn nhà cấp 4 và phần đất gắn liền thuộc thửa số 6 (nay là thửa đất số 251), tờ bản đồ số 56, diện tích theo đo thực tế là 1.622,4m² tọa lạc tại ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban

nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận số BR 135798 ngày 17/3/2014, do ông Nguyễn Văn T3 đại diện đứng tên.

Sau khi ông T3 qua đời, toàn bộ nhà đất nêu trên do bà S là người đại diện quản lý và sử dụng. Lúc này, ông Nguyễn Văn Í tuy sống chung gia đình nhưng có thái độ ngày càng ngang bướng và có lời lẽ thiếu tôn trọng bà, ông Í cho rằng, ông là con út trong gia đình nên tài sản của cha mẹ, trước sau gì cũng thuộc về ông Í, người khác không có quyền.

Hiện nay các con đã trưởng thành, bà S ngày càng già yếu, tài sản không còn gì ngoài phần nhà và đất nêu trên. Với mong muốn là cho các con mỗi người một phần đất để làm kỷ niệm và cũng để cho các con không người nào cảm thấy thiệt thòi, còn bản thân bà S cũng muốn được nằm cạnh chồng sau khi mất. Tuy nhiên, ông Í không đồng ý, kể cả phần đất của bà S ông Í cũng muốn chiếm lấy hết.

Vì vậy, bà Lê Thị S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Công nhận căn nhà cấp 4 và phần đất gắn liền thuộc thửa đất số 6 (nay là thửa đất số 251), tờ bản đồ số 56, diện tích theo đo thực tế là 1.622,4m² tọa lạc tại ấp N, thị trấn T huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận số BR 135798 ngày 17/3/2014, do ông Nguyễn Văn T3 đại diện đứng tên là tài sản chung của bà Lê Thị S với ông Nguyễn Văn T3.

- Yêu cầu công nhận 50% tài sản nêu trên gồm căn nhà cấp 4 và phần đất gắn liền thuộc thửa đất số 6 (nay là thửa đất số 251), tờ bản đồ số 56, diện tích 1.622,4m² tọa lạc tại ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là của bà Lê Thị S.

- Phần 50% tài sản còn lại trên (căn nhà cấp 4 và phần đất gắn liền thuộc thửa số 6 (nay là thửa đất số 251), tờ bản đồ số 56, diện tích theo đo thực tế là 1.622,4m² tọa lạc tại ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng là thuộc di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T3 qua đời để lại. Chia thừa kế phần di sản này ra thành 7 phần cho 06 đồng thừa kế, mỗi người một phần cho bà Lê Thị S, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Đ và ông Nguyễn Văn Í và bà Nguyễn Thị V (bà V đã chết; do những người thừa kế hàng thứ nhất của bà D nhận, gồm: Bà Nguyễn Thị Tuyết N, bà Nguyễn Thị Ánh T1, bà Nguyễn Thị Ngọc C1, bà Nguyễn Thị Cẩm H, ông Nguyễn Hoàn C2, ông Nguyễn Trung C3, ông Nguyễn Thành C4, ông Nguyễn Trung C5). Riêng bà Lê Thị S ngoài phần thừa kế như đã nêu, yêu cầu được chia thêm một phần công sức đóng góp, tu bổ và gìn giữ di sản do ông Nguyễn Văn T3 chết để lại.

** Bị đơn Nguyễn Văn Í trình bày và phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Cha tên Nguyễn Văn T3 chết ngày 28/3/2016, mẹ tên Lê Thị S chết ngày 19/7/2023, cha mẹ có 04 người con chung gồm: 1- Nguyễn Thị T; 2- Nguyễn Thị C; 3- Nguyễn Thị Đ; 4- Nguyễn Văn Í.

Ngoài ra, cha còn 02 người con riêng với hai người mẹ khác là bà Nguyễn Thị V và ông Nguyễn Thanh T2. Bà V đã chết có chồng tên Nguyễn Văn C6 và 08 người con như bà S trình bày là đúng.

Trước đây cha mẹ đã chia đất cho con gái là bà V và bà T mỗi người 5 công ruộng. Đối với đất nền nhà thì chưa chia nên ngày 01/7/2011 ông T3 đã lập di chúc để chia đất cho các con, cụ thể: Chia cho 03 người con còn lại gồm: Bà T, bà C và ông T2 mỗi người được 7m chiều ngang, phần nhà và phần đất mô mã còn lại thì giao cho ông Í được thừa kế. Vì vậy, bị đơn Í không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S và yêu cầu độc lập của người liên quan Đình.

Ngày 19/12/2024, bị đơn Nguyễn Văn Í làm đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết:

Công nhận di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3 lập ngày 01/7/2011 và không công nhận di chúc của mẹ tên Lê Thị S lập ngày 23/4/2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Ít yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu để lại căn nhà của cha mẹ trên phần đất có số đo chiều ngang 6m, chạy dài hết đất là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T3 và cụ S làm đất hương hỏa.

- Yêu cầu được nhận thừa kế theo di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3 lập ngày 01/7/2011 đối với $\frac{1}{2}$ (50%) di sản chung của cha và mẹ, yêu cầu được nhận đất ngay đường đi do ông đồ bê tông và nhận đất ngay vị trí căn nhà gia đình ông đang ở, đồng ý để bà Đ nhận thừa kế theo di chúc của mẹ tên Lê Thị S lập ngày 23/4/2022.

- Các cây trồng trên phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị M trình bày:* Bà là vợ của bị đơn Nguyễn Văn Í, bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn S và yêu cầu độc lập của người liên quan Đình, đồng ý theo yêu cầu của bị đơn Í.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ trình bày:* Bà Thống nhất với phần trình bày của bà S và ông Í về các thành viên trong gia đình cũng như di sản thừa kế cha mẹ để lại. Cha chết không để lại di chúc còn mẹ có để lại di chúc đề ngày 23/04/2022. Hiện nay cha mẹ đều đã chết.

Ngày 12/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ làm đơn yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết, cụ thể như sau:

Công nhận “Di chúc” của bà Lê Thị S lập ngày 23/04/2022 là hợp pháp.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ đồng ý để lại căn nhà của cha mẹ trên phần đất có số đo chiều ngang 6m, chạy dài hết đất là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T3 và cụ S làm đất hương hỏa. Bà Đ yêu cầu được nhận thừa kế di sản của mẹ tên Lê Thị S theo “Di chúc” lập ngày 23/04/2022 và nhận thừa kế di sản của cha tên Nguyễn Văn T3 lập ngày 01/7/2011.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị T trình bày:* Trước đây cha mẹ đã chia đất cho bà. Vì vậy, bà từ chối nhận di sản thừa kế của cha tên Nguyễn Văn T3. Đối với phần di sản của mẹ tên Lê Thị S thì do mẹ quyết định.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C trình bày:* Bà thống nhất với phần trình bày của bà S và ông Í về các thành viên trong gia đình cũng như di sản thừa kế cha mẹ để lại. Trước khi cha chết có lập di chúc. Vì vậy, bà C

yêu cầu công nhận di chúc của cha là hợp pháp và bà yêu cầu được nhận 07m đất chiều ngang theo di chúc của cha.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu để lại căn nhà của cha mẹ trên phần đất có số đo chiều ngang 6m, chạy dài hết đất là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T3 và cụ S làm đất hương hỏa.

- Yêu cầu được nhận thừa kế theo di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3 lập ngày 01/7/2011 đối với phần đất có số đo chiều ngang là 7m, chiều dài hết đất.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thanh T2 trình bày tại Đơn trình bày đề ngày 26/12/2024 có nội dung:* Ông là con riêng của ông Nguyễn Văn T3. Trong trường hợp ông được nhận thừa kế từ cha, thì ông tự nguyện cho tặng ông Nguyễn Văn Í, vì ông Í là con út trong gia đình và sống chung với cha mẹ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Trung C3 trình bày tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/12/2024 có nội dung:* Mẹ chúng tôi tên Nguyễn Thị V đã chết không nhớ ngày, tháng, năm, cha tên Nguyễn Văn C6 chết năm 2007, cha mẹ có 08 người con gồm: 1- Nguyễn Thị Tuyết N; 2- Nguyễn Thị Ánh T1; 3- Nguyễn Thị Ngọc C1; 4- Nguyễn Thị Cẩm H; 5- Nguyễn Hoàn C2; 6- Nguyễn Trung C3; 7- Nguyễn Thành C4; 8- Nguyễn Trung C5. Trong số 08 anh chị em chỉ có Nguyễn Thị Tuyết N và Nguyễn Trung C3 sinh sống ở Việt Nam, 06 người còn lại đã sinh sống định cư ở nước ngoài nhưng không biết địa chỉ.

Đối với vụ án này, bà N và ông C3 có ý kiến như sau: Nếu mẹ chúng tôi là bà Nguyễn Thị V được nhận thừa kế của ông bà ngoại tên Nguyễn Văn T3 và Lê Thị S, thì chị em chúng tôi không nhận.

** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị Ánh T1, Nguyễn Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Hoàn C2, Nguyễn Thành C4, Nguyễn Trung C5 và Nguyễn Võ Đình Q:* Không trình bày ý kiến đối với vụ án này.

Kết quả đo đạc thực tế và định giá tài sản như sau:

** Diện tích đất tranh chấp theo đo thực tế của Công ty TNHH H2 cung cấp cho Tòa án tại “Sơ đồ hiện trạng thửa đất” ngày 19/10/2022 có diện tích là 1.622,4m².*

** Giá trị bằng tiền theo “Chứng thư thẩm định giá ngày 09/01/2023” của Công ty TNHH T4, cụ thể là:*

- Giá trị quyền sử dụng đất là 6.485.571.200 đồng.
- Giá trị công trình xây dựng trên đất là 282.132.000 đồng.
- Giá trị cây trồng trên đất là 99.064.500 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Lê Thị S không rút lại đơn khởi kiện; bị đơn Nguyễn Văn Í không rút đơn

phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ không rút lại yêu cầu độc lập; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

** Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa như sau:*

+ *Về thủ tục tố tụng:*

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự có mặt đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, là chưa thực hiện nghiêm theo triệu tập của Tòa án.

+ *Về nội dung vụ án:*

- Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, để căn nhà của cụ T3 và cụ S làm nơi thờ tự chung cho các con, các cháu của cụ T3 và cụ S, chia thừa kế theo 02 di chúc của cụ T3 và cụ S.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Nguyễn Thị T, Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Ánh T1, Nguyễn Thị Ngọc C1, Nguyễn Thị Cẩm H, Nguyễn Hoàn C2, Nguyễn Trung C3, Nguyễn Thành C4, Nguyễn Trung C5 và Nguyễn Võ Đình Q, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, để tham dự phiên tòa sơ thẩm, nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng, hoặc trở ngại khách quan. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 03 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định xét xử vụ án vắng mặt những người có tên nêu trên.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2-1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn S và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu để lại căn nhà của cha mẹ trên phần đất có số đo chiều ngang 6m, chạy dài hết đất là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T3 và cụ S làm đất hương hỏa.

- Yêu cầu được nhận thừa kế di sản của mẹ tên Lê Thị S theo “Di chúc” lập ngày 23/04/2022 và nhận thừa kế di sản của cha tên Nguyễn Văn T3 theo “Di chúc” lập ngày 01/7/2011.

Bà Đ đồng ý để ông Í nhận thừa kế phần đất ngay vị trí đường đi bê tông và ngay vị trí căn nhà gia đình ông Í đang ở.

[2-2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Ít yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu để lại căn nhà của cha mẹ trên phần đất có số đo chiều ngang 6m, chạy dài hết đất là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T3 và cụ S làm đất hương hỏa.

- Yêu cầu được nhận thừa kế theo di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3 lập ngày 01/7/2011 đối với $\frac{1}{2}$ (50%) di sản chung của cha và mẹ, yêu cầu được nhận đất ngay đường đi do ông đồ bê tông và nhận đất ngay vị trí căn nhà gia đình ông đang ở, đồng ý để bà Đ nhận thừa kế theo di chúc của mẹ tên Lê Thị S lập ngày 23/4/2022.

- Các cây trồng trên phần đất chia cho ai thì người đó được hưởng.

[2-3] Tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Yêu cầu để lại căn nhà của cha mẹ trên phần đất có số đo chiều ngang 6m, chạy dài hết đất là tài sản chung của các đồng thừa kế của cụ T3 và cụ S làm đất hương hỏa.

- Yêu cầu được nhận thừa kế theo di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3 lập ngày 01/7/2011 đối với phần đất có số đo chiều ngang là 7m, chiều dài hết đất.

[3] Xét yêu cầu của bà Đ, ông Í và bà C, về việc: Để căn nhà trên phần đất có số đo chiều ngang 6m, chạy dài hết đất là nơi thờ cúng cha mẹ là cụ T3 và cụ S, thì thấy rằng:

Điều 645 của Bộ luật Dân sự quy định về: “Di sản dùng vào việc thờ cúng” như sau:

“1. Trường hợp người lập di chúc để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.”

Trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử người quản lý di sản thờ cúng.

Trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản dùng để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật.

2. Trường hợp toàn bộ di sản của người chết không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản của người đó thì không được dành một phần di sản dùng vào việc thờ cúng”.

Xét thấy: Các đương sự thỏa thuận để lại nhà đất làm nơi thờ cúng cha mẹ, là phù hợp theo quy định tại Điều 645 của Bộ luật Dân sự năm 2015 như đã được viện dẫn nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Đ, ông Í và bà C yêu cầu Tòa án công nhận: “Di chúc” của cụ Nguyễn Văn T3 lập ngày 01/7/2011 và “Di chúc” của cụ Lê Thị S lập ngày 23/4/2023 là hợp pháp, thì thấy rằng:

Điều 628 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định về: “Di chúc bằng văn bản” như sau:

Di chúc bằng văn bản bao gồm:

- 1. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng.*
- 2. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng.*
- 3. Di chúc bằng văn bản có công chứng.*
- 4. Di chúc bằng văn bản có chứng thực.*

Xét thấy: Di chúc của cụ T3 và cụ S được lập thành văn bản và có người làm chứng ký tên xác nhận và được các đương sự yêu cầu công nhận. Như vậy, các di chúc của cụ T3 và cụ S là phù hợp theo quy định tại Điều 628 của Bộ luật Dân sự năm 2015 như đã được viện dẫn nêu trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

Phân chia di sản thừa kế của cụ T3 và cụ S cụ thể như sau:

Phần đất chia thừa kế có số đo chiều ngang giáp thửa đất số 07 và 01 theo đo thực tế của Công ty TNHH H2 cung cấp cho Tòa án tại “Sơ đồ hiện trạng thửa đất” ngày 19/10/2022, cụ thể là: $16,32\text{m} + 41,91\text{m} + 27,57\text{m} = 85,8\text{m}$. Trừ đi diện tích căn nhà của cụ T3 và cụ S làm nhà hương hỏa, thì diện tích đất còn lại theo số đo chiều ngang của cụ T3 và cụ S mỗi người $\frac{1}{2}$ (50%) sẽ là: $85,8\text{m} - 6\text{m} = 79,8\text{m} : 2 = 39,9\text{m}$.

Như vậy, di sản thừa kế quyền sử dụng đất của cụ T3 và cụ S mỗi người có 39,9m chiều ngang giáp thửa đất số 07 và 01.

Bà C và bà Đ mỗi người được hưởng thừa kế đất theo di chúc của cụ T3 có số đo chiều ngang giáp thửa đất 01 và 07 là 7m. Như vậy, phần đất ông Í được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ T3 có số đo chiều ngang giáp thửa đất 07 và 01, cụ thể là: $39,9\text{m} - (7\text{m} + 7\text{m}) = 25,9\text{m}$.

Tại phiên tòa, bà Đ yêu cầu được nhận phần đất ngay khu mộ và phần đất còn lại cho đủ số đo chiều ngang mà bà được hưởng thừa kế theo di chúc của cha và của mẹ. Ông Í yêu cầu được nhận phần đất có số đo chiều ngang 6m ngay vị trí đường đi bê tông do ông san lấp và nhận phần đất ngay vị trí có căn nhà của ông Í và bà M đang ở, bà C yêu cầu nhận phần đất có số đo chiều ngang 7m giáp phần đất của ông Í. Xét thấy: Yêu cầu của các đương sự là phù hợp với thực tế sử dụng đất nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận như những căn cứ và phân tích nêu trên.

[8] *Án phí dân sự sơ thẩm:*

Các đương sự được miễn án phí do thuộc đối tượng người cao tuổi theo quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] *Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là:* 23.650.000 đồng. Những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn S tự nguyện chịu. Nguyên đơn S đã nộp và đã sử dụng hết cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 5, khoản 9 Điều 26; Điều 34; điểm a khoản 1 Điều 37; các điểm a, c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1, Điều 157; khoản 1 Điều 165; Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các điều 609; 610; 611; 612; 613; 645; 649; 650; 651 và 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị S.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Nguyễn Văn Í.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Đ.

1- Xác định di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn T3 và Lê Thị S là căn nhà cấp 4 và phần đất gắn liền, thuộc thửa đất số 6 (hiện nay là thửa đất số 251), tờ bản đồ số 56, diện tích theo đo thực tế là 1.622,4m², trong đó có 200m² đất ở tại đô thị, phần còn lại là đất cây lâu năm, tọa lạc tại: ấp N, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận số BR135798 ngày 17/03/2014, do ông Nguyễn Văn T3 đứng tên, là tài sản chung của cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Lê Thị S.

2- Công nhận nhà trên phần đất làm nơi thờ cúng của cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Lê Thị S có diện tích 110,6m², trong đó có 50m² đất ở đô thị, diện tích đất còn lại là đất cây lâu năm, thuộc quyền sử dụng chung của các con, các cháu của cụ T3 và cụ S, phần đất có số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phạm vi đất thu hồi công có số đo 6m.

- Hướng Tây giáp thửa đất số 07 có số đo 6m.

- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp căn nhà của bị đơn Nguyễn Văn Í có số đo 18,57m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp lối đi chia thửa kế cho bị đơn Nguyễn Văn Í có số đo 18,34m.

3- Chia thửa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Văn T3 và của cụ Lê Thị S cho bà Nguyễn Thị Đ, cụ thể như sau:

3-1. Bà Nguyễn Thị Đ đại diện hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Lê Thị S, nhận thừa kế phần đất có khu mộ của cụ T3 và cụ S, có diện tích 351,8m², loại đất: Cây lâu năm, số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phạm vi đất thu hồi công có số đo 18,33m + 2,36m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 07 có số đo 16,32m.
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp lối đi chia thửa kế cho bị đơn Nguyễn Văn Í có số đo 18,12m.
- Hướng Bắc giáp sông N có số đo 17,50m.

3-2. Bà Nguyễn Thị Đ được nhận thừa kế từ cụ Nguyễn Văn T3 và cụ Lê Thị S phần đất có diện tích 535,9m², trong đó có 50m² đất ở đô thị, diện tích đất còn lại là đất cây lâu năm, số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phạm vi đất thu hồi công có số đo 12,75m + 9,22m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 01 và 07 có số đo 27,57m + 0,48m.
- Hướng Nam giáp rạch có các số đo 21,76m + 2,57m.
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp phần đất chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị C có số đo 20,05m.

4- Chia thửa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Văn T3, cụ thể như sau:

4-1. Ông Nguyễn Văn Í được nhận thừa kế theo di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3 đối với phần đất có lối đi bằng bê tông, có diện tích 109,2m², loại đất: Cây lâu năm, số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phạm vi đất thu hồi công có số đo 6m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 07 có số đo 6m.
- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp căn nhà của cụ T3 và cụ S có số đo 18,34m.
- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp phần đất có khu mộ giao thừa kế cho bà Nguyễn Thị Đ có số đo 18,12m.

4-2. Ông Nguyễn Văn Í được nhận thừa kế theo di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3, đối với phần đất có căn nhà của ông Í và bà M đang ở, có diện tích 376,8m², trong đó có 50m² đất ở đô thị, diện tích đất còn lại là đất cây lâu năm, số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phạm vi đất thu hồi công có số đo 14,52m + 5,38m.
- Hướng Tây giáp thửa đất số 07 có số đo 19,9m.

- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp phần đất chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị C có số đo 19,52m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp căn nhà của cụ T3 và cụ S có số đo 18,57m.

4-3. Bà Nguyễn Thị C được hưởng thừa kế theo kế theo di chúc của cha tên Nguyễn Văn T3, phần đất có diện tích 138,1m², trong đó có 50m² đất ở đô thị, diện tích đất còn lại là đất cây lâu năm, số đo tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp phạm vi đất thu hồi công có số đo 7m.

- Hướng Tây giáp thửa đất số 07 có số đo 7m.

- Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp phần đất chia thừa kế cho bà Nguyễn Thị Đ có số đo 20,05m.

- Hướng Bắc giáp phần còn lại của thửa đất số 251, giáp phần đất chia thừa kế cho ông Nguyễn Văn Í có số đo 19,52m.

(có sơ đồ kèm theo)

5- Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự được miễn do thuộc đối tượng người cao tuổi.

6- Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng cộng là: 23.650.000 đồng (hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn S đồng ý chịu. Nguyên đơn S đã nộp và đã sử dụng hết cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

7- Quyền kháng cáo: Đối với các đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Nam Trung